

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV. :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì xin điền bằng tiếng Việt.

Mail or Send the completed questionnaire to :

Gửi Bảng Câu hỏi này về :

PO BOX 111111
Arlington
Va. 22205-0011
U.S.A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : LIEU IL Sex : Male
Họ tên Phái
2. Other Name : Any
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 1933 Rach Gia
Ngày/ Nơi sinh
4. Residence Address : No. 51, Thanh Xuân Hamlet, Thanh Phú Commune
Địa chỉ thường trú Thót Nốt District, Hậu Giang Province,
VIỆT NAM
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), divorced (D), widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly hôn (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	Date/Place of birth	Sex	M.S.	Relationship
1. Lieu Thi LONG	: 07.01.1960 Binh Tuy	: F	: M	: Daughtetr
2. Lieu Thi Ri	: 09.11.1961 Binh Tuy	: F	: M	: Daughter
3. Lieu Thi DIEN	: 18.06.1966 Binh Tuy	: F	: M	: Daughter
4. Lieu Thi DUONG	: 06.10.1967 Binh Tuy	: F	: S	: Daughters
5. Lieu Thi ANH) Twins	: 06.10.1967 Binh Tuy	: F	: S	: Daughters
6. Lieu Thi SANG	: 27.09.1968	: F	: S	: Daughter
7. Lieu Thi THANH	: 24.09.1969	: F	: S	: Daughter
8. Lieu Thi XUYEN	: 13.03.1972 Mỹ Phước	: F	: S	: Daughter

(NOTE : For the persons listed above, we will need lidgeble copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note thier addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho những người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản sao giấy khai sinh, hôn thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), và căn cước và hình. Nếu những người cùng đi với bạn mà không cùng chung ngụ hiện tại, xin khai địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở nước ngoài.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:
d. Date of Relative's Arrival in the U.S. : Ngày bà con đến Hoa Kỳ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries : Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác	:	:
1. Name Họ tên	:	:
2. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
3. Address Địa chỉ	:	:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father Cha	:	LIÊU SET
2. Mother Mẹ	:	THỊ PHƯƠNG (dead)
3. Spouse Vợ/chồng	:	ĐÀO THỊ SEN, born in 1934 at Ô Môn Cần Thơ
4. Former Spouse (if any) Vợ/chồng trước (nếu có)	:	ANY
5. Children : (1) Liêu Thị Long	07.01.60	Farmer, Same Address
Con cái (2) Liêu Thị Ri	09.11.61	id
(3) Liêu Thị Diên	18.06.66	id
(4) Liêu Thị Dương	06.10.67	id
(5) Liêu Thị Anh	06.10.67	Twins id
(6) Liêu Thị Sang	27.09.68	id
(7) Liêu Thị Thanh	24.09.69	id
(8) Liêu Thị Xuyên	15.03.72	id
6. Siblings : ANY Anh chị em		

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở Hoa Kỳ hay hãng lý.

1. Name of Employee :
Họ tên nhân viên
Position Title :
Chức vụ
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc : từ : tới
Name of American Supervisor:
Tên họ giám thị Mỹ
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên
...
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person serving : LIEU IL
Họ tên người tham gia
 2. Dates : From : 01 Jan. 1956 To : 10 Jan. 74
Ngày tháng năm : Từ : tới
 3. Last Rank : Sergeant I Mil. Serial No. : 33/041.734
Cấp bậc cuối cùng : Số quân
 4. Ministry/Office/Mil. Unit : IVth Administration Unit Cần Thơ
Sở / Văn phòng / Binh chủng
 5. Name of Supervisor /C.O. :
Họ tên giám thị/SQ chỉ huy
 6. Reason for Separation : Dismissed because of being badly wounded by a VC explosion.
Lý do nghỉ việc
 7. Names of American Advisor (s) :
Họ tên cố vấn Mỹ
 8. U. S. Training Courses in Viet Nam :
Chương trình huấn luyện của Hoa Kỳ tại Việt Nam
 9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date received :
Phan thưởng/Giấy khen : Ngày nhận
- (NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificate if available. Available ? NO.)
(Chú ý; Xin Bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở nước ngoài.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn

2. School and School Address :
Tên trường và địa chỉ trường

3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm từ tới

4. Description of Courses :
Mô tả ngành học

5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? NO.)

(Chú ý : Xin bạn kèm theo Văn bằng, hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo

2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian cải tạo Từ tới

3. Still in Re-Education ? NO
Còn học tập không ? KHÔNG

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần giấy ra trại của bạn.)

I. ADMINISTRATIVE REMARKS / Ghi chú hành chính. I can hardly earn my own life.

2. Some of my children are still available to receive allowance according to the papers. But 'they' are destroying all our future
3. I wish and I do hope that my children could be refunded and I could be granted allowance War invalid as before.

Signature :
Ký tên *il*

Date :
Ngày

J. ALL PHOTOGRAPHIC DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ còn lại đính kèm :

2. Photocopy of our marriage certificate.
3. Photocopy of my administrative Certificate.
4. Photocopy of my military curriculum vitae.
5. Photocopy of Decree War Invalid No. 19669
6. Photocopy of Decree No. 001539
7. Photocopy of The Announcement.
8. Photos.

VIET-NAM CONG-HOA

TONG-TRUONG CUU-CHIEN-BINH

BỘ CUU-CHIEN-BINH

-CHIEU LUAT 05/70 NGÀY 09-07-1970 VÀ CÁC VĂN-KIỆN
QUY-DINH CAP-DUONG PHE-BINH VÀ GIA-DINH TU-SI
-CHIEU HO-SO CAP-DUONG SO 07797/09

SO 19669 /PB/DPG

NGHI-DINH

DIEU 1.

ONG (BA) LIEU IL
NGAY SANH 1933
LIA-CHI MY PHUOC AN GIANG

CAN-CUOC LA
CUA PHE-BINH
CAP-BAC LIEU IL
SO-QUAN TRUNG SI, BAC (1)
DA PHE NAM 33041734

PHU-DO 035 VV



PHONG CAP-DUONG THEO CAP-BAC NGÀY 15/01/74 TRUNG SI, BAC (1)

PHU-KHOAN CHUYEN-KON SO 0 HANG TAN-CA-NGUYET LA
TU DEN TN GIA-BIEU
15/01/74 08 89839.2405 CD VINH-VIEN



TEN THANH-NHAN ĐƯỢC HUƠNG CAP-DUONG (VQ) THI-SEN	HO-TEN	NGAY-SANH	HO-TEN	NGAY-SANH
LIEU THI LONG	07/01/60	LIEU THI RI	09/11/61	
ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	06/01/78	ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	03/11/77	
LIEU THI DIEN	18/06/66	LIEU THI ANH	06/10/67	
ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	17/01/84	ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	05/10/85	
LIEU THI DUONG	06/10/87	LIEU THI SANG	27/09/68	
ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	05/10/85	ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	26/09/86	
LIEU THI THANH	24/09/69	LIEU THI XUYEN	13/03/72	
ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	23/09/87	ĐƯỢC HUƠNG ĐEN	12/03/90	

KY LANH TIEN LAN THU NHAT
TU DEN SO TIEN
15/01/74 30/06/74 89878.4805

DIEU 2.

DONG-LY VAN-PHONG, TONG-THU-KY, GIAM-DOC NHA HUU-BONG VA CAP-DUONG CHTEL
NHIEM-VU THI-HANH NGHI-DINH NAY.

SAIGON.
T.U.N. TONG-TAM CUU-CHIEN-BINH
BAC SI HO AN CHAM



TON-THA-LONG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ CỤC CHIẾN BINH
NHÀ HƯU BỔNG và CẤP DƯỠNG
001539
CCBIHBT

TÊN TRƯỞNG CỤC CHIẾN BINH

Th: SLU số 058 TT/SLU ngày 12-72 và các văn kiện
quy định quy chế quân nhân hưu dịch.
Chiều SL 486 TT/SL ngày 26-5-73 và các văn kiện
quy định quy chế quân nhân ĐPQ.
Chiều hồ sơ xin Hưu Bổng số: 12499/74/HH

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. Ông (B)

Ngày và nơi sinh:

Địa chỉ:

Căn cước số:

Là:

Cấp bậc:

Đã về:

LIÊU KI

1933 TẠI RẠCH GIÀ

13/9 BÌNH LONG 2 X. PHƯỚC AN GIANG

0284461

của AN GIANG 19.1.74

số quân

ngày 33/041.734

Tên thân nhân
phụ cấp

Ngày sinh

Được hưởng
đến

CƯỚC CHỦ

Được hưởng một khoảng Hưu Bổng thiết-tho (b) kể từ ngày

VỚI PHÂN CHIẾT TÍNH QUẢN VỤ VỀ:

I. ĐIỀU KIỆN LẬP QUYỀN:

- Tiền quân vụ
- Quân vụ QL VNCH
- Công vụ Dân chính

CỘNG

II. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN:

- Khoảng giá tăng đặc biệt

CỘNG CHUNG

Năm	Tháng	Ngày	CƯỚC CHỦ
19	0	14	
24	0	24	
32	0	28	
32	0	28	

TÍNH THÀNH NIÊN KIM THANH TOÁN LÀ

NK

VỚI CÁC GIÁ BIỂU HƯU BỔNG ÁP DỤNG:

Thời gian thay đổi giá biểu	số thân nhân được hưởng	Giá biểu hàng Tam cá nguyệt	bằng số	bằng chữ
Từ đến				
Từ 16.1.74 đến 31.5.74		16748		
Từ 1.5.74 đến		21651		Hai mươi một ngàn sáu trăm năm mươi một đồng.
Từ đến				

VỚI CÁC CHI TIẾT VỀ PHÂN CHIẾT TÍNH GIÁ BIỂU CHỐT GHI TRÊN.

Hưu-Bổng được thanh toán với LCB	niên kim	số con
A. Hưu-Bổng với công thức $LCB \times 2 \times NK$ (áp dụng giá biểu sau cùng)	100	
- Hưu-Bổng	100	
- Phụ cấp vợ	21.55100	
- Phụ cấp con	100	
- Bồi khoản gạo (c)	100	
CỘNG:	21.65100	
B. Được trả tiền tại Ty Ngân - Khố tình		(d)
- Kỳ như (phiếu số 1)		
- Thời gian từ	đến	
Số tiền	16.1.74	30.9.74
Khoản trả hay cộng thêm	912348	
Còn được lãnh (c)	511310	
- Các khoản khác (nếu có)	421001	
- Các khoản khác (nếu có)		
(giáo biểu TCN ghi bên)		

ĐIỀU 1. KẾT: Nay thụ hồi và hủy bỏ 3.Đ số 3713 chuẩn và
HH/HH ngày 28.9.74 truy lĩnh số tiền tại Việt anh hương
bồi gia tăng NL, LCB và bồi khoản gạo từ 16.1.74 đến
30.9.74.

ĐIỀU 1. TÀI: Giá biểu HH/SL được T theo giá biểu LCB
32 sau Điều 2, Tổng Thư-Ký, Giám Đốc Nha Hưu-Bổng và Cấp dưỡng chiếu nhiệm
vụ thi hành. Nghị - định này.

- Giải ngũ, Mệnh một, có quy trách nhiệm không quy trách công vụ
- Tham niên Tỷ lệ, Hôn hợp, Chuyển quyền Giám hộ có nhĩ, Sai biệt, Đặc biệt
- Do Cơ-quan Ngân-Khố trực tiếp trả
- Trường hợp có truy trả ghi lưu ý truy trả tiền lãnh trừ theo CTHC định lãnh
- Số tiền truy lĩnh viết bằng chữ.

SAIGON, ngày 28 Tháng 9 năm 1974

TỔNG TRƯỞNG CỤC CHIẾN BINH

2) LCB hàng tháng,

NĂM	1 Tháng 1	1 Tháng 4	1 Tháng 7	1 Tháng 10
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				

KIỂM SOÁT VIÊN CHUNG KẾT

Ký tên

Họ và tên

Ngày

CHỨNG NHẬN GIAO NGHỊ ĐỊNH MẪU D

và SỐ HƯU BÔNG 001539 ngày 28-2-78

Người nhận Liêu - IL Người giao Nguyễn Văn Tân

Họ và tên Liêu - IL Họ và tên Nguyễn Văn Tân

Căn cước số 02883104 Chức vụ Ty Chính

Cấp ngày 19-01-78 tại Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

Ký tên hoặc đóng dấu Angkor ngày 19-01-78

BỔ CÁO QUAN TRỌNG CHO HƯU QUÂN

Sắc Lệnh 058 TT/SLU ngày 26-12-72 qui định sự kiểm hưởng Hưu-Bổng.

Điều 244 : Quân nhân có Hưu-Bổng hoặc lương Bồi-dịch nếu được thu dụng vào các Công sở, các Xí nghiệp quốc doanh hay các Công ty hợp doanh, các cơ quan công lập tự trị, được kiểm hưởng Hưu-Bổng hoặc lương Bồi-dịch, ngoại trừ các phụ khoản, tăng khoản hoặc bớt khoản so với rương bổng của chức vụ mới.

Điều 16 : Trong thời kỳ có lan hành trình trạng chiến-tranh, hoặc trường hợp động viên, quân nhân hưu trí hoặc Bồi-dịch được gọi tái ngũ sẽ hưởng rương bổng theo cấp bậc, Hưu-Bổng hoặc Bồi-dịch áp dụng chỉ cho đến khi giải ngũ.

Điều 247 : Quà phụ. Có nhi, không được quyền kiểm hưởng nhiều Hưu-bổng chuyên quyền đầu nguồn gốc khác nhau, quân chính hay Dân-chính.

Điều 248 : Có thể kiểm hưởng cấp dưỡng Phế binh hay cấp dưỡng Quà phụ với Hưu-bổng tính theo cấp bậc Công vụ. Trường hợp này, giá biểu bên nào lợi hơn được thanh toán theo cấp bậc, bên còn lại được thanh toán theo giá biểu Bình nhĩ.

Điều 249 : Không được kiểm hưởng cho cùng một đứa con nhiều phụ khoản về lương, về tiền công hay Hưu-bổng.

TÍNH CÁCH CỦA HƯU-BÔNG

Điều 250 : Hưu-bổng có tính cách Hưu-dưỡng, vì vậy bất khả di nhượng. Tự nhiên người được hưởng Hưu-bổng có quyền ủy nhiệm việc lãnh tiền cho người hôn phối hoặc con cái, cha mẹ, anh chị em ruột.

Hưu-bổng có tính cách bất khả sai b, trừ trường hợp bị kết khiếu đối với Chánh phủ.

Điều 251 : Sẽ mất hẳn quyền hưu bổng, quân nhân nào đã bị xử phạt về các tội phạm, an hay đã phạm tiền công, hối thủ công quỹ, nhận hối lộ hay hối trại quyền thế. Biện pháp ấy cũng áp dụng đối với những quân nhân đã có Hưu-bổng, sau đó mới khám phá ra những hành vi bất hảo kể trên, khiến cho họ có thể bị sa thải, nếu còn tại ngũ.

LINH TINH

Điều 255 : Hưu-bổng có thể xét lại bất cứ lúc nào nếu có sự sai lệch hay thất sót.

* * *

KHAI-SANH

Số hiệu



Ấn-nhi :	(Tên họ)	LIÊU - THỊ - DIÊN
Phái :		nữ
Sanh ngày, tháng, năm :		ngày mười tám, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu.
Tên :		Xã Phước-Hội, Hầm-tân, Bình-tuy
Cha :	(Tên họ)	LIÊU 11
Tuổi :		33 tuổi
Nghề-nghiep :		quân nhân
Cư-trú tại :		KBC. 6.058
Mẹ :	(Tên họ)	Đèo-thị-Sen
Tuổi :		32 tuổi
Nghề-nghiep :		nội trợ
Cư-trú tại :		Xã Phước-hội, Hầm-tân, Bình-tuy
Vợ (chánh hay thứ)		chánh
Người khai :		LIÊU 11
Tuổi :		33 tuổi
Nghề-nghiep :		quân nhân
Cư-trú tại :		KBC. 6.058
Ngày khai :		21 tháng 6 năm 1966
Người chứng thứ nhất :	(Tên họ)	Nguyễn-Vui
Tuổi :		30 tuổi
Nghề-nghiep :		quân nhân
Cư-trú tại :		KBC. 6.058
Người chứng thứ hai :	(Tên họ)	Phạm-hồng-An
Tuổi :		36 tuổi
Nghề-nghiep :		thợ máy
Cư-trú tại :		Xã Phước-hội, Hầm-tân, Bì



Thi thực chủ kỳ trên đây
 0. Chấn Hưng 18.5.66. 4.15. 1966
 21.6.66. 6.15. 1966
 21.6.66. 6.15. 1966
 21.6.66. 6.15. 1966



SAC Y BỌ-SANH năm 1966

Phước-hội, ngày 21-6-1966

CHỦ-TỊCH kiêm hủ-tịch,



nh

Lập tại xã Phước-hội, ngày 21-6 năm 1966
 Người khai, Hồ lại, Nhà
 LIÊU 11, Trần-trọng-Hội, Ngụ
 ký tên, an ký
 Phạm-I

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG

CỤC QUÂN-Y

TRUNG-TÂM MIỄN-DỊCH
PHÒNG MIỄN-DỊCH CÁN THO
Điện thoại: 2205

BẢN CÁO TRI 9793/34

KINH

19.056/TQT/TTMD PHD/GT/ĐPQ

Chỉ-Huy-Trưởng Trung-Tâm Miễn-Dịch
chứng nhận rằng Hội-Đồng Miễn-Dịch CÁN THO trong phiên
họp ngày 28 tháng 9 năm 1973
định về phần Ông LIÊU IL S/N 1933 TẠI RẠCH GIA
số quân 33/041.734 cấp bậc T/S
thuộc đơn vị KBC 4605 những đề

CHA : SET

ME : THI PHƯƠNG

HỘI-ĐỒNG ĐÃ CỬU-XÉT CỐMẬT ĐƯƠNG-SU

(XXXXXXXXXX)

KINH

XXXXXX

MP. CƯỜM CHAN THƯƠNG VAY JA DAX
CAN TAM
MT. THƯƠNG.

MDVV SO I
CAP ĐO VINH VIEN

XXXXXXXXXX

XXXXXXXXXX

XXXXXX

XXXXXXXXXX

BA MƯƠI LAM (35) CGD

Phần trăm

BẢN - CHÁNH
DÀNH CHO PHÉ BINH XỬ DỤNG

Cấp độ
tân phé

(để ghi chú)

CƯỚC-CHỦ CÁN-YÊI :

KBC. 7618 ngày 25. 10. 1973.

Những đề nghị của Hội-tổng
Miễn-Dịch ghi ở trên đây không phải
là duyên-cớ để kháng cáo trước Tòa
An-Hưu-Bổn.

Chỉ có Quyết-Định của Nha CCB.
sẽ cáo-tri cho đương sự sau này, mới
có thể là yếu tố để kháng cáo trước
Pháp-luật.

CHỈ-HUY-TRƯỞNG TRUNG-TÂM MIỄN-DỊCH
THIẾ TĂNG NGUYỄN AN-PHON
Trưởng-Nhà 3 Miễn-Dịch CÁN-THO

[Signature]

BẢNG KÊ TƯỜNG MẠO và QUÂN VỤ

HỘ TỊCH

NHÂN DẠNG

Sinh ngày 1933 Tại NGÔI CHUOC
 Tổng Phủ, Huyện
 Tỉnh RACH GIA
 Nghề nghiệp
 Con của Ông LIÊU SET và Bà THI PHUONG
 Hiện ở tại NGÔI CHUOC
 Huyện, Phủ Tổng
 Kết hôn ngày 1956 Với Cô THI SINH.
 Ở tại ON MON Phủ, Huyện
 Tổng Tỉnh CAN THO.
 Giấy phép của

Tóc
 Mắt
 Trán
 Mũi
 Măt
 Hình cao 1 thước phân
 Dấu tích riêng biệt

QUỐC TỊCH

VIỆT - NAM.

Nhập ngũ vào Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời hạn năm
 Kể từ ngày Nguyên trước ở
 Với tư cách Và giữ cấp bậc

CHƯƠNG TRÌNH

CỘNG VỤ LIÊN TIẾP

HỘI DỊCH

- 01.01.56-Tính nguyên gia nhập báo an một hạn là 24 tháng với cấp bậc binh nhì do ND so 452/TP/BA ngày 01.02.56.
 07.10.68-TK/Tay ninh, chuyển chuyên đến TK/Binh tuy do LTC so 542/TBA/NV2/1/TC ngày 07.10.68.
 04.11.61-T/C đến THHL/Quang trung, (TQO/TH) do LTC so thu huan k/t ngày 08.7.61 do 04.11.61
 09.11.64-Theo học khoa 9/GH/BB tại THHL/Song Mao được so diem trung binh 14/774 xếp hạng, 134/228.
 01.05.65-Thang cấp hạ sĩ do QĐ so 212/TL/ĐPQ/QĐ ngày 13.05.65.
 01.04.68-Thang cấp hạ sĩ 1 do QĐ so 739/TKBT/QNV/QĐ ngày 01.04.68 của TK/TK/Binh Tuy.
 06.06.67-TK/Binh tuy T/C đến THHL/Lai Thiou do thu huan khoa bộ tuc cơ giới do LTC so 1165/DD/HCTV/BT/QNV/TC ngày 06.06.67 của TK/TK/Binh Tuy.
 02.07.67-Đoan tra về đơn vị gao do LTC so 5741/THHL/GC/NV ngày 03.07.67 của THHL/GC.
 16.10.68-TK/BT chuyển chuyên đến TK/An Giang, do LTC so 14313/TH/TQT/BN/D ngày 20.10.68 của Bộ TH.
 01.06.68-Giu chức vụ Tò trưởng sung coi 61 lý do LBN so 008/TKAG/GC/LBN ngày 7.1.70 của CHĐ 425/G Choa.
 01.01.71-Thang cấp trung sĩ do QĐ so 526/QĐ4/QĐ ngày 22.02.71 của THL/QĐ4.
 01.05.71-Giu chức vụ Tò trưởng, sung coi 60 lý do LBN so 125/TKAG/GC/LBN ngày 01.05.71.
 01.02.72-T/C đến DD 801/ĐPQ do LTC so 004146/TKAG/TQT/BN ngày 27.03.72 của TK/An Giang.
 21.06.72-Nhập QNV/LX so PHV/TT/LTC so 08823/TKAG/TQT/44 ngày 21.06.72 của TK/An Giang.
 27.09.72-Thuyển chuyển đến TK/An Giang, do PHV/so 4249/GTC của QTV/Bong Xuyen.
 07.10.72-Nhập QNV/Long Xuyen do PHV/TT/LTC so 014606/TKAG/TQT/44 ngày 06.10.72 của TH/AG.
 26.05.73-Thuyển chuyển đến ĐV4QT/L3 do PHV so 0741/GTC của QNV/Long Xuyen.
 15.01.74-Quan nhân loại 3 ĐNVV so 1 ĐNVV 353// COD và xuất ngũ ngày 15.01.74 do QĐ so 0390/TH/TQT/NSV/TQT ngày 10.01.74 của BTT. Xoa tại trung so kien danh anh vi cùng ngày.

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HUY - CHƯƠNG:

01- QVBT/60

01- CTBT

01- QVBT/3

01- QVBT/4

ĐANG NHẬN

HỘ TỊCH

"Ông cho đường giải ngũ"

Tên

Trần

Mi

Mã

Nhân cao 1 thước
Đầu tích thẳng điệ

in KBC.4.685 ngày 31 th.7.1974

Tổng Tá TRINH TƯỜNG

Chỉ Huy Trưởng Đơn Vị 4 Quan Trĩ

Thiếu Tá NGUYỄN HỒNG KHUÊ

Chỉ - Huy - Phó

(cố lý)

Hiện ở tại

Huyện lỵ

Kết hôn ngày

ở tại

Tổng

Giấy phép của

QUỐC TỊCH

năm

Nhập ngũ vào Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hoa trong thời hạn

Nguyên trước ở

Và cấp bậc

Kết ở ngày

Với tư cách

CHIẾN DỊCH

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

BIỂU CHƯƠNG

Từ Đến
Từ Đến
Từ Đến
Từ Đến

THƯƠNG TÍCH

HUY CHƯƠNG

/ SAG Y BAN CHANH/

Tại KBC.4.685 ..ngày 31 th.7.1974 197

"Chỉ để họ tước họ so hưởng tian"
(SO HUY BONG)

T. Tổng Tá TRINH TƯỜNG

Chỉ Huy Trưởng Đơn Vị 4 Quan Trĩ

Thiếu Tá HỒ - VĂN - UT

Chỉ - Huy - Phó

Khu

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT LẬP

KBC. 4585

PHẦN I. - QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/QTNV lập)

1.- HỌ TÊN LIEU IL 2.- CẤP BẬC TS/DPQ/DU 3.- SỐ QUÂN 33/041.794
 4.- THẺ CĂN-CƯỚC DÂN SỰ: Số 0288.3461 Cấp tại AN GIANG Ngày 11-11-70
 5.- CNQS: _____ 6.- Ngày sinh: _____ Nơi sinh: _____
 7.- NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 01-01-1956 Với tư cách Tinh nguyện
 Tiền quân vụ _____ Từ _____ Đến _____
 8.- GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ _____ Đến _____ Lý do _____
 - Từ Không Đến _____ Lý do _____
 9.- GIẢI NGŨ NGÀY: 15/01/74 Lý do 17011201 3170 SCA
 Lý do _____

10. - LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

- a)- ☐ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☒ Đương sự bị phế tật
☒ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phế-bình : ☐ Đương sự bị mất tích
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả phụ : ☐ Đương sự tạ thế
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tổ phụ : Ngày 25 tháng 5 năm 72 tại CHUONG THIEN
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi
☐ CTHC được cấp cho người thừa kế : Lý do Việt cộng Phao kích vào đơn vị gây cho
☐ CTHC được cấp cho người giám hộ : đương sự bị thương.
 Họ tên và địa-chỉ: Xa Mỹ Phước, - Có qui trách công-vụ ☒
Quan Chau Thanh AN GIANG - Không qui-trách công-vụ ☐

b)- Lý do khác: Tro Cap Tan Phe

Ông LIEU SET Sinh ngày _____ (sống) (chết)
 11.- HỌ TÊN CHA MẸ: Bà THI PHUONG Sinh ngày _____ (sống) (chết)

12.- GIA CẢNH: ☐ Độc thân ☒ Có vợ ☐ Góa vợ Số con 8

13.- NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và tên: THI SEN Sinh ngày 1934
 Nơi sinh: Mon CAN THO Nghề nghiệp: noi tro
 Địa chỉ: nt
☒ Trích-lục hôn thú ☐ Chứng thư thế-vi hôn thú ☐ An thế-vi hôn-thú
 Số hiệu 62 Đăng ký ngày 07-10-60 tại BINH TUY

14. - CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN (a)	Ngày sinh (b)	Trai, gái (c)	Loại con (d)	VĂN KIỆN THAM CHIẾU			
				Loại (e)	Số (f)	Ngày (g)	Nơi Đăng ký
LIEU THI LONG	07-1-60	Gai	CT	KS	07	14-1-50	BINH TUY
LIEU THI RI	09-11-61	-	-	-	116	15-11-61	-
LIEU THI THANH	24-9-69	-	-	-	-	26-9-69	-
LIEU THI ANH	06-10-67	-	-	-	298	10-10-67	BH H DINH
LIEU THI DUONG	-	-	-	-	-	-	-
LIEU THI DIEN	18-6-66	-	-	-	496	21-6-66	BINH TUY
LIEU THI SANG	27-9-68	-	-	-	298	03-10-68	BINH TUY
LIEU THI XUYEN	13-3-72	-	-	-	862	15-3-72	AN GIANG

PHẦN II. - CHIẾT TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (SQ Tài-Chánh lập).

T-16

15. - LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG SỰ: Cấp bậc T3 Bậc lương 11.21.1 Chi số lương 11.21.1
 Phụ cấp gia đình 1 Vợ với số con 8 Phụ cấp đất đỏ vùng Tháp
 (ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao-tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) (22.200.000)

Chiết tính như sau:
 - Lương căn bản 10.100.000
 - Phụ cấp vợ 1.200.000
 - Phụ cấp con 8.800.000
 - Phụ cấp đất đỏ 1.700.000
 - Tăng khoản tạm thời 3.000.000
 - Phụ cấp khác (nếu có) 0

CỘNG: 25.800.000

LƯƠNG BẢN THÂN:

- Lương căn bản 10.100.000
 - (kể cả phụ-khoản chuyên môn)
 - Phụ-cấp đất đỏ 1.700.000
 - Tăng khoản tạm thời
 - Phụ-cấp đặc-biệt

CỘNG: 12.300.000

PHỤ-CẤP VỢ CON:

- Phụ cấp vợ 1.200.000
 (GD+ĐD+TKTT)
 (Phụ cấp con) 8.800.000
 (GD+ĐD+TKTT)

CỘNG: 10.000.000

16. - TRỢ CẤP TỬ TUẤT: (Toàn thể hay tức thời) toàn thể (bằng một hoặc hai hoặc mười hai) 01/1
 Lần số lương tháng cuối cùng chiết tính nơi Mục 15, thành tiền là 25.100.000
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ)
 đã được ứng trả trước ngày ... tháng ... năm ... cho người thừa kế hữu-quyền là (tên họ) ...

(Chiếu HT số 3761/QL/TCTT/HCI/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. - CHỨNG THỰC

17. - CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng-Phòng TQT hay Nhân-viên)

(Cấp bậc) ĐẠI UY (Họ tên) NGUYỄN VĂN THỦY
 (Chức vụ) TRƯỞNG KHOA QUẢN LÝ

Ngày

Chữ Ký

[Chữ ký]

18. - CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh)

(Cấp bậc) ĐẠI UY (Họ tên) PHẠM CÔNG HIỆP
 (Chức vụ) TRƯỞNG KHOA QUẢN LÝ

Ngày

Chữ Ký

[Chữ ký]

19. - CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ TRƯỞNG TƯ TRỊ HÀNH-CHÁNH.

KBC. 685, ngày ... tháng ... năm ...

CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ

TRƯỞNG TÀI CHÍNH TỈNH

CHỈ HUY TRƯỞNG ĐƠN VỊ 4 QUÂN TRẠI

Chữ ký ấn dấu

[Chữ ký]

Tỉnh : BÌNH-TUY
 Quận : HÀM-TÂN
 Xã : TÂN-HIỆP

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỰ

MHA IN VUI-VUI-PHANTHET

Tên họ người chồng Lieu-II
 Nghề-nghiep Binh-sỹ
 Sinh ngày tháng năm một nghìn chín trăm

ba
 Tại RẠCH-GIA
 Cư sở tại RẠCH-GIA
 Tạm trú tại Đại-Đội 1 Bảo-An HÀM-TÂN

Tên họ cha chồng Lieu-Sét (sống)
 (sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ chồng Thị-Phượng (chết)
 (sống chết phải nói)
 Tên họ người vợ Đào-thị-Son

Nghề-nghiep Lâm ruộng
 Sinh ngày tháng năm một nghìn chín trăm ba
bốn.

Tại OMON
 Cư sở tại OMON
 Tạm trú tại Xã Tân-Hiệp, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy.

Tên họ cha vợ ĐÀO-SUON (sống)
 (sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ vợ THỊ-BÌNH (chết)
 (sống chết phải nói)

Ngày cưới ngày mười bảy, tháng mười, năm một nghìn chín
trăm sáu mươi.

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

Ngày tháng năm

Tại



TRÍCH Y BỔN CHÁNH :

TÂN-HIỆP, ngày 14 tháng 5 năm 196 4

Đại-Đội 1 Bảo-An xã Viên-chức Hộ-tịch,



Lưu-van-Yếu

Lê-ngọc-Ba

KHAI-SANH

Số hiệu: 7

Nhà in VUL-VUL - Phaothi

Tên họ đầu nhĩ: Lieu-Thi-Long
 Phái: (Nam hay nữ) Nữ
 Sinh: Ngày bảy tháng một, năm một ngàn chín trăm
 (Ngày, tháng, năm) sáu mươi (7-1-60)
 Tại: Xã Tân-Hiệp, Quận Hàm Tân, Tỉnh Bình-Tuy
 Cha: Lieu-IL
 (Tên, họ) 26 tuổi
 Tuổi: Bình-Sỹ
 Nghề: Đại-Đội I Bảo-An Hàm-Tân
 Cư trú tại: Đạo-Thị-Sen
 Mẹ: 26 tuổi
 (Tên, họ) Nội-Trợ
 Tuổi: Xã Tân-Hiệp Hàm-Tân, Bình-Tuy
 Nghề: Vợ
 (Chánh hay thê) Lieu-IL
 Người khai: 26 tuổi
 (Tên, họ) Bình-Sỹ
 Tuổi: Đại-Đội I Bảo-An Hàm-Tân
 Nghề: Ngày 1 tháng 1 năm 1.961
 Cư trú tại: Người chứng thứ nhứt: Nguyễn-Đức
 (Tên, họ) 30 tuổi
 Tuổi: Bình-Sỹ
 Nghề: Đại-Đội I Bảo-An, Hàm-Tân
 Cư trú tại: Người chứng thứ nhì: Võ-Thành-Công
 (Tên, họ) 34 tuổi
 Tuổi: Làm ruộng
 Nghề: Xã Tân Hiệp, Hàm-Tân, Bình-Tuy
 Cư trú tại:



lập tại xã Tân-Hiệp, ngày 14 tháng 1 năm 19 60

Người khai,
Lieu-IL (ky tên)

Hộ lại,
Phan minh Tiến
 (ky tên)

Nhân-chứng:
 Người chứng thứ nhứt,
Nguyễn-Đức
 (ky tên)

Người chứng thứ nhì,
Võ-Thành-Công
 (ky tên)

MIỀN LỆ-PHÚ

THI-THỰC

Để hợp thức hóa chữ ký

Chữ ký: Nguyễn Văn Thảo

Xã: Tân-Hiệp

Hàm-Tân, Quận Hàm-Tân, Tỉnh Bình-Tuy

Ngày: 14 tháng 1 năm 1964

Phó Quận trưởng

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

NGUYỄN VĂN THẢO

Tên họ đầu nhĩ: Liêu-thị-Ri
 Phái (Nam hay nữ) Nữ
 Sinh: Ngày chín, tháng mười một, năm một ngàn chín
 (Ngày tháng năm) trăm sáu mươi một (09-11-1961)

Tại: Xã Tân-hiệp, Quận Hàm-tân, Tỉnh Bình-tuy.

Cha: Liêu - LL

(Tên họ)

Tuổi: 28 tuổi

Nghề: Binh - sỹ

Cư - trú tại: Đại-Đội 511 Hàm-tân

Mẹ: Đào - thị - Sen

(Tên họ)

Tuổi: 28 tuổi

Nghề: Nội - trợ

Cư - trú tại: Xã Tân-hiệp, Hàm-tân, Tỉnh Bình-tuy.

Vợ: Chánh

(Chánh hay thữ)

Người khai: Liêu - LL

(Tên họ)

Tuổi: 28 tuổi

Nghề: Binh - sỹ

Cư - trú tại: Đại-Đội 511 Hàm-tân

Ngày khai: Ngày mười lăm, tháng mười một, năm một
ngàn chín trăm sáu mươi một.

Người chứng thứ nhứt: Ly - Ho

(Tên họ)

Tuổi: 30 tuổi

Nghề: Làm - ruộng

Cư - trú tại: Xã Tân-hiệp, Quận Hàm-tân, Tỉnh Bình-tuy

Người chứng thứ nhì: Đinh-viết-A

(Tên họ)

Tuổi: 23 tuổi

Nghề: Làm - ruộng

Cư - trú tại: Xã Tân-hiệp, Quận Hàm-tân, Tỉnh Bình-tuy.

SAO LỤC Y CHÁNH-BẢN
 Tân-hiệp, ngày 28-6-1965
 CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

Lập tại Xã Tân-hiệp, ngày 15 tháng 11 / 19 61

Người khai

Hộ lại,

Nhân chứng

Liêu - LL

Phan-minh-Tuyên

Người chứng thứ nhất

(Ký tên)

(Ký tên)

Ly-Ho (Ký tên)

Phan-Vĩnh-Sâm

Người chứng thứ nhì
Đinh-viết-A (Ký tên)



THỰC

họ tên người khai

Đỗ

Bản hiệp

29 tháng 6 năm 1965

KY

Phan-Vĩnh-Sâm

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

NGUYỄN-VĂN-THAO

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

CHỦ-TỊCH UBCC/KINH. HỌ-TỊCH

KHAI SANH

(Song-Sanh)

Tên, họ ấu nhi : Liêu-thị-Dương.

Phái : Nữ

Sanh : Ngày sáu, tháng mười, năm một ngàn chín trăm sáu
(Ngày, tháng, năm) mười bảy.

Tại : Xã Võ-Dát, Hoài-Dức, Bình-Tuy.

Cha : Liêu-IL
(Tên họ)

Tuổi : 34 tuổi

Nghề - nghiệp : Quân-nhân

Cư - trú tại : K.B.C. 4.891

Mẹ : Đào-thị-3em.
(Tên, họ)

Tuổi : 34 tuổi

Nghề - nghiệp : Nông

Cư - trú tại : Xã Võ-Dát, Hoài-Dức, Bình-Tuy.

Vợ : Chánh hôn thú số 62
(Chánh hay thứ)

Người khai : Liêu-IL
(Tên, họ)

Tuổi : 34 tuổi

Nghề - nghiệp : Quân-nhân.

Cư - trú tại : K.B.C. 4.891

Ngày khai : Ngày mười, tháng mười, năm một ngàn chín trăm
sáu mươi bảy.

Người chứng thứ nhất : Nguyễn-văn-Tặc
(Tên, họ)

Tuổi : 26 tuổi

Nghề - nghiệp : Quân-nhân.

Cư - trú tại : K.B.C. 4.891

Người chứng thứ nhì : Lê-Tử
(Tên, họ)

Tuổi : 30 tuổi

Nghề - nghiệp : Quân-nhân.

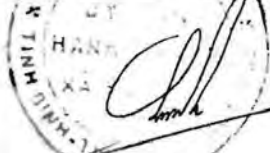
Cư - trú tại : K.B.C. 4.891



TRÍCH LỤC Y SỔ BỘ 1967

Võ-Dát, ngày 11-10-1967

Châu-Tịch Kiểm Hộ-Tịch



Lê-Quang-Lịch.

CHÚNG-THỰC

Chữ ký trên đây của ông (ký tên) Lê-quang-Lịch là đúng.
 Làm tại xã Võ-Dát, ngày 10 tháng 10 năm 67
 (ký tên và đóng dấu) (ký tên)
Lê-quang-Lịch I-Nguyễn-văn-Tặc
2-Lê-Tử



Lê-quang-Lịch

KHAI SANH

Số hiệu _____

862 .

Tên, họ ầu nhì:	Lâm Thị Huyền .
Phái:	Nữ
Sanh	Ngày, tháng, năm
Tại	(Xã - Phường) Huyện mới (1972)
Cha	Tên, họ
Tuổi	Năm 1933
Nghề nghiệp	Quản nhân
Cư-trú tại	Huyện mới
Mẹ	Tên, họ
Tuổi	Năm 1934
Nghề nghiệp	Nội-vệ
Cư trú tại	Huyện-phước
Vợ	Nguyễn Thị Huyền 1950.
Người khai	Tên, họ
Tuổi	Phạm Thị Thủy
Nghề nghiệp	Năm 1930
Cư trú tại	Huyện mới
Ngày khai	Huyện-phước
Người-chứng thứ nhất	Tên, họ
Tuổi	Võ Thị Linh
Nghề nghiệp	Năm 1940
Cư trú tại	Huyện mới
Người chứng thứ nhì	Tên, họ
Tuổi	Lê Thị Phước
Nghề nghiệp	Năm 1950
Cư trú tại	Huyện mới



Làm _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
 Người-khai _____ Hộ lại _____ Nhân chứng, _____

Phạm Thị Thủy (k) Trần Văn Khoa (k) Võ Thị Linh (k)
 (k) (k) Lê Thị Phước (k)

ĐẠO Y BÚNG TRONG BỘ

72



KIỂM-ĐO

Đã kiểm soát trong Bộ-Đo
 K.V. KIỂM-ĐOÁT

Khanh

TRƯỞNG BAN CHẤM

KHAI SANH

MIỄN LỆ PHÍ

TRÍCH LỤC Y SỔ BỘ 1967
Võ-Dật, ngày 11-10-1967
Chức Tích Kiên Hộ-Tích
ỦY BAN
12- QUANG-LỊCH.

Tên, họ ấu nhi :	Liêu-thị-Anh	(Song-Sanh)
Phái :	Nữ	
Sanh :	Ngày sáu, tháng mười, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy.	
Tại :	Xã Võ-Dật, Hoài-Dức, Bình-Tuy.	
Cha :	Liêu-IL.	
(Tên họ)		
Tuổi :	34 tuổi	
Nghề - nghiệp :	Quân-Nhân	
Cư - trú tại :	K.B.C. 4.89I	
Mẹ :	Đào-thị-Sen	
(Tên, họ)		
Tuổi :	34 tuổi	
Nghề - nghiệp :	Nông	
Cư - trú tại :	Xã Võ-Dật, Hoài-Dức, Bình-Tuy.	
Vợ :	Chánh hôn thú số 62	
(Chánh hay thứ)		
Người khai :	Liêu-IL.	
(Tên, họ)		
Tuổi :	34 tuổi	
Nghề - nghiệp :	Quân-nhân	
Cư - trú tại :	K.B.C. 4.89I	
Ngày khai :	Ngày mười tháng mười, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy.	
Người chứng thứ nhất :	Nguyễn-văn-Tặc	
(Tên, họ)		
Tuổi :	26 tuổi	
Nghề - nghiệp :	Quân-nhân	
Cư - trú tại :	K.B.C. 4.89I	
Người chứng thứ nhì :	Lê-Tư	
(Tên, họ)		
Tuổi :	20 tuổi	
Nghề - nghiệp :	Quân-nhân	
Cư - trú tại :	K.B.C. 4.89I	



CHỖNG-THỰC
CHỮ KÝ TRÊN ĐÂY CỦA ÔNG LÀM TẠI XÃ
Lê-quang-Lịch là đúng.
Ngày 11-10-1967
QUẢN LÝ
QUẢN HOÀI-DỨC

Võ-Dật, ngày 10 tháng 10 năm 1967

Họ - lại (ký tên và đóng dấu) Nhậ chứng (ký tên)

Lê-quang-Lịch I-Nguyễn-văn-Tặc
2-Lê-Tư

From : LIEU IL
Xã Thanh Xuân
Xã Thanh Phú
Huyện Thốt Nốt
Hậu Giang. VIỆT NAM

962
11 19 6 2



DEC 20 1989

MAY BAY
PAR AVION

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

807-25500+